

Số: ~~1677~~/KH-UBND

Tây Ninh, ngày 09 tháng 7 năm 2018

KẾ HOẠCH
Tổ chức sơ kết, đánh giá giữa kỳ Chương trình MTQG
Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2020

Căn cứ Quyết định số 1722/QĐ-TTg ngày 02/9/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016 - 2020;

Căn cứ Quyết định số 1451/QĐ-UBND ngày 30/6/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh ban hành Kế hoạch Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững tỉnh Tây Ninh giai đoạn 2016-2020;

Thực hiện Công văn số 1749/LĐTBOXH-VPQGGN ngày 10/5/2018 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội về việc tổ chức đánh giá giữa kỳ Chương trình MTQG Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2020 và kết quả rà soát, tích hợp hệ thống chính sách giảm nghèo, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch tổ chức sơ kết, đánh giá giữa kỳ Chương trình MTQG Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2020 như sau:

A. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích:

- Đánh giá giữa kỳ những kết quả đạt được so với tiến độ, mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ đề ra trong Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững tỉnh Tây Ninh giai đoạn 2016-2020 (sau đây gọi tắt là Chương trình) và kết quả rà soát, tích hợp hệ thống chính sách giảm nghèo theo Nghị quyết số 76/2014/QH13;

- Phân tích những tồn tại, hạn chế và nguyên nhân của những tồn tại, hạn chế đó trong quá trình tổ chức thực hiện Chương trình và các chính giảm nghèo trên địa bàn tỉnh;

- Đề xuất, kiến nghị việc hoàn thiện cơ chế, chính sách giảm nghèo; giải pháp huy động, bố trí và sử dụng nguồn lực; giải pháp chỉ đạo, điều hành tổ chức thực hiện giải pháp giảm nghèo từ nay đến năm 2020;

- Qua đánh giá giữa kỳ, đề xuất hướng sửa đổi, bổ sung chiều, chỉ số đo lường nghèo đa chiều cho giai đoạn tiếp theo nhằm phản ánh tốt hơn thực trạng nghèo, hướng tác động nâng cao khả năng tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản.

2. Yêu cầu:

- Đánh giá giữa kỳ được thực hiện trên phạm vi toàn tỉnh, được thực hiện từ cấp xã, huyện, thành phố và cấp tỉnh; có sự tham gia của người dân.

- Đánh giá giữa kỳ bao gồm đánh giá của các Sở, ngành được phân công nhiệm vụ thực hiện các Dự án, Tiểu dự án, hoạt động của Chương trình; đánh giá của các cấp chính quyền địa phương trong thực hiện mục tiêu giảm nghèo thông qua Chương trình.

- Đánh giá tổng thể bao gồm: đánh giá thực hiện các Dự án, Tiểu dự án và các hoạt động thuộc Chương trình; đánh giá kết quả thực hiện mục tiêu giảm nghèo, đánh giá hiệu quả tác động tới đối tượng thụ hưởng; đánh giá thực hiện các chính sách giảm nghèo và tiến độ rà soát, sửa đổi hệ thống chính sách giảm nghèo hiện hành;

- Qua đánh giá giữa kỳ, cần rút ra những kiến nghị, đề xuất giải pháp thực hiện mục tiêu giảm nghèo bền vững đến năm 2020 và cho giai đoạn tiếp theo;

B. TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ

- Đánh giá giữa kỳ Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững tỉnh Tây Ninh giai đoạn 2016-2020 và kết quả rà soát, tích hợp hệ thống chính sách giảm nghèo theo Nghị quyết số 76/2014/QH13, cần đáp ứng các tiêu chí sau:

Tính kịp thời trong việc xây dựng, ban hành các cơ chế chính sách giảm nghèo; các văn bản hướng dẫn và bố trí vốn để thực hiện chương trình;

Tính phù hợp của cơ chế, chính sách, các dự án, tiểu dự án, hoạt động thuộc chương trình trong triển khai thực hiện mục tiêu giảm nghèo. Sự phù hợp được xét trên các phương tiện phù hợp như đối tượng thụ hưởng, đặc điểm vùng miền, phù hợp với nguồn lực và năng lực thực thi Chương trình của địa phương.

Tính đồng bộ và hệ thống của cơ chế, chính sách giảm nghèo hiện hành. Tiêu chí này thể hiện ở chỗ hệ thống cơ chế chính sách được triển khai thực hiện của các cấp là xuất phát từ đặc điểm của đối tượng thụ hưởng, thống nhất và không mâu thuẫn, tạo điều kiện để thực hiện tốt được mục tiêu giảm nghèo đa chiều ở địa phương.

Tính đầy đủ thể hiện ở mức độ bố trí nguồn lực đảm bảo tính đầy đủ và kịp thời cho thực hiện các chính sách, Dự án, Tiểu dự án, hoạt động thuộc Chương trình.

Tính hiệu lực và hiệu quả thực thi chính sách và giải pháp giảm nghèo thể hiện ở các lĩnh vực sau:

+ Cụ thể hoá của địa phương trong việc đề ra các giải pháp tổ chức thực hiện chính sách, chương trình tới đối tượng thụ hưởng, ban hành các chính sách đặc thù trên địa bàn.

+ Sự phối kết hợp, các ngành, các cấp liên quan ở địa phương để thực hiện chính sách và giải pháp thực hiện Chương trình đã ban hành;

+ Bố trí và sử dụng nguồn lực;

+ Tác động của việc thực hiện chính sách và giải pháp giảm nghèo đến đối tượng thụ hưởng.

C. PHƯƠNG THỨC, NỘI DUNG ĐÁNH GIÁ

I. Phương thức đánh giá: Phương thức đánh giá giữa kỳ bao gồm sự kết hợp đánh giá giữa các Sở, ngành, đoàn thể liên quan cấp tỉnh và các địa phương (huyện, xã);

1. Cấp tỉnh: đánh giá dựa trên các báo cáo đánh giá các thông tin được tổng hợp từ các sở, ngành, đoàn thể cấp tỉnh liên quan và báo cáo của UBND huyện, thành phố.

2. **Cấp huyện:** Đánh giá dựa trên các báo cáo đánh giá các thông tin từ các phòng, ban, đoàn thể liên quan cấp huyện và báo cáo của UBND xã, phường, thị trấn.

3. **Cấp xã:** Đánh giá dựa trên việc triển khai thực hiện các chính sách giảm nghèo ở địa phương.

II. Nội dung đánh giá:

1. Các Sở, ngành, đoàn thể liên quan cấp tỉnh: báo cáo theo đề cương và phụ lục 1, phụ lục 2 kèm theo;

2. UBND các huyện, thành phố; UBND các xã, phường, thị trấn tự đánh giá theo đề cương báo cáo và phụ lục 2 kèm theo;

D. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

I. Các Sở, ngành tỉnh, UBMT Việt Nam tỉnh và các tổ chức chính trị xã hội:

Tổ chức thực hiện đánh giá giữa kỳ các chính sách, dự án giảm nghèo do ngành, đơn vị mình quản lý, thực hiện và báo cáo về Sở Lao động – Thương binh và Xã hội trước ngày 31/7/2018 và tổng hợp trình UBND tỉnh xem xét, báo cáo Bộ Lao động- Thương binh và Xã hội. Cụ thể:

1. **Văn phòng UBND tỉnh (Phòng Dân tộc):** Chủ trì đánh giá thực hiện chính sách Chương trình báo cáo kết quả thực hiện Tiểu dự án 1 “Hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng cho các xã thuộc Chương trình 135” và Tiểu dự án 3 “Nâng cao năng lực cho cộng đồng và cán bộ cơ sở các xã Chương trình 135” thuộc Dự án 1 Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2018.

2. **Sở Lao động - Thương binh và Xã hội:** Chủ trì tổ chức đánh giá việc triển khai thực hiện các chính sách dạy nghề, tạo việc làm cho người nghèo trên địa bàn tỉnh; Phối hợp với các Sở, ngành liên quan đánh giá hoạt động của dự án 2 và dự án 3 về thực hiện mô hình giảm nghèo và kết quả nâng cao năng lực giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình giai đoạn 2016-2018;

3. **Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn:** Chủ trì đánh giá thực hiện dự án hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hoá sinh kế và nhân rộng mô hình giảm nghèo giai đoạn 2016-2018;

4. **Sở Thông tin và Truyền thông:** Chủ trì, đánh giá thực hiện Dự án Truyền thông và giảm nghèo về thông tin giai đoạn 2016-2018;

5. **Sở Kế hoạch và Đầu tư:** Chủ trì, đánh giá kết quả huy động nguồn vốn thực hiện Chương trình, kết quả phân bổ và sử dụng nguồn vốn thực hiện Chương trình giai đoạn 2016-2018;

6. **Sở Tài chính:** Chủ trì, đánh giá kết quả huy động nguồn vốn thực hiện Chương trình, kết quả phân bổ và sử dụng nguồn vốn thực hiện Chương trình giai đoạn 2016-2018;

7. **Sở Giáo dục và Đào tạo:** Chủ trì, đánh giá thực hiện chính sách hỗ trợ về giáo dục và đào tạo cho hộ nghèo giai đoạn 2016-2018;

8. **Sở Y tế:** Chủ trì, đánh giá thực hiện các chính sách hỗ trợ về y tế cho hộ nghèo, hộ cận nghèo và đồng bào dân tộc thiểu số giai đoạn 2016-2018;

9. Sở Xây dựng: Chủ trì, đánh giá thực hiện các chính sách hỗ trợ về nhà ở cho hộ nghèo giai đoạn 2016-2018;

10. Sở Tư pháp: Chủ trì, đánh giá thực hiện chính sách trợ giúp pháp lý giai đoạn 2016-2018

11. Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh: Chủ trì, đánh giá thực hiện các chính sách hỗ trợ về tín dụng ưu đãi đối với hộ nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2016-2018;

12. Đề nghị Ủy ban MTTQVN tỉnh, Hội LHPN tỉnh, Hội Nông dân tỉnh, Hội Cựu chiến binh tỉnh và Tỉnh đoàn Tây Ninh: Đánh giá kết quả tình hình tham gia, phối hợp thực hiện công tác giảm nghèo trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2016-2018;

II. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố:

- Chỉ đạo, hướng dẫn UBND xã, phường, thị trấn và các phòng, ban liên quan tổ chức đánh giá giữa kỳ Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2018 và kết quả rà soát, tích hợp hệ thống chính sách giảm nghèo trên địa bàn.

- Tổ chức thực hiện đánh giá giữa kỳ Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2018 và kết quả rà soát, tích hợp hệ thống chính sách giảm nghèo trên địa bàn huyện, thành phố và báo cáo về Sở Lao động – Thương binh và Xã hội trước ngày **31/7/2018**.

III. Tổ chức hội nghị sơ kết đánh giá kết quả thực hiện Chương trình: Sở Lao động – Thương binh và Xã hội tham mưu UBND dự thảo báo cáo và tổ chức Hội nghị sơ kết.

IV. Kinh phí thực hiện: từ nguồn kinh phí thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia năm 2018 cấp cho Sở Lao động – Thương binh và Xã hội.

Trên đây là Kế hoạch tổ chức sơ kết, đánh giá giữa kỳ Chương trình MTQG Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2018. Đề nghị lãnh đạo các đơn vị quan tâm chỉ đạo, thực hiện báo cáo theo kế hoạch và thời gian theo quy định./.

Nơi nhận: ly

- Văn phòng QGGN;
- TT.TU, TT.HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- UBMTTQVN tỉnh Tây Ninh và các tổ chức thành viên;
- Thành viên BCĐ;
- UBND các huyện, thành phố;
- LĐVP, KTN, KGVX;
- Lưu: VT.

U.Khoi 110

**KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH.**



Trần Văn Chiến

Tỉnh.....

Huyện.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**Kết quả thực hiện Kết quả thực hiện chính sách giảm nghèo giai đoạn 2016-2018***(Ban hành kèm theo Kế hoạch số: 1671/KH-UBND ngày 09 / 7/2018 của UBND tỉnh Tây Ninh)*

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện năm 2016	Thực hiện năm 2017	Ước thực hiện năm 2018	Luỹ kế đến thời điểm báo cáo (năm 2016-2018)	Ghi chú
I	Chính sách hỗ trợ hộ nghèo về giáo dục – đào tạo						
1	Tổng số học sinh được hỗ trợ	Lượt học sinh					
2	Kinh phí thực hiện	Triệu đồng					
	<i>Nội dung hỗ trợ gồm:</i>						
	Số học sinh nghèo, cận nghèo được hỗ trợ miễn phí	Lượt học sinh					
	Số học sinh nghèo (giảm 100% học phí)	Lượt học sinh					
	Số học sinh cận nghèo (giảm 50% học phí)	Lượt học sinh					
	Kinh phí miễn giảm học phí:	Triệu đồng					

	Số học sinh nghèo được hỗ trợ chi phí học tập	Lượt học sinh					
	Kinh phí hỗ trợ chi phí học tập	Triệu đồng					
II	Chính sách hỗ trợ người nghèo về y tế						
1	Số lượt người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, người dân tộc thiểu số đi khám chữa bệnh bằng thẻ BHYT	Lượt					
	Kinh phí thực hiện	Triệu đồng					
2	Quỹ khám bệnh cho người nghèo						
	Kinh phí từ ngân sách phân bổ cho Quỹ khám chữa bệnh cho người nghèo	Triệu đồng					
	Số lượt người nghèo đi khám, chữa bệnh được hỗ trợ từ quỹ khám chữa bệnh cho người nghèo						
	Kinh phí thực hiện hỗ trợ	Triệu đồng					
III	Chính sách trợ giúp pháp lý cho người nghèo, người dân tộc thiểu số						
1	Tổ chức các lớp tập huấn, bồi dưỡng kiến thức trợ giúp pháp lý	Lớp					
	Số người tham dự	Người					

	Kinh phí thực hiện	Triệu đồng					
2	Tổ chức các buổi sinh hoạt trợ giúp pháp lý	Buổi					
	Số người tham dự	Người					
	Kinh phí thực hiện	Triệu đồng					
3	Số lượt tư vấn pháp lý cho người nghèo, người dân tộc thiểu số						
	Số người được tư vấn, hỗ trợ	Người					
	Kinh phí thực hiện	Triệu đồng					
IV	Chính sách hỗ trợ cho hộ nghèo về nhà ở						
	Số hộ nghèo được hỗ trợ về nhà ở theo Quyết định số 33/2015/QĐ-TTg	Hộ					
	Kinh phí thực hiện. Trong đó	Triệu đồng					
	Vốn từ Ngân sách	Triệu đồng					
	Vốn vay từ Ngân hàng CSXH	Triệu đồng					
	Vốn huy động khác	Triệu đồng					
V	Chính sách tín dụng ưu đãi đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác						
1	Chương trình tín dụng ưu đãi đối với hộ						

	nghèo						
	Số hộ nghèo được vay vốn	Hộ					
	Tổng số tiền được vay	Triệu đồng					
	Tổng số dư nợ	Triệu đồng					
2	Chương trình tín dụng ưu đãi đối với hộ cận nghèo						
	Số hộ cận nghèo được vay vốn	Hộ					
	Tổng số tiền được vay	Triệu đồng					
	Tổng số dư nợ	Triệu đồng					
3	Chương trình cho vay HSSV						
	Số hộ được vay vốn	Hộ					
	Tổng số tiền được vay	Triệu đồng					
	Tổng số dư nợ	Triệu đồng					
4	Cho vay XKLD đối với hộ nghèo						
	Số hộ được vay vốn	Hộ					
	Tổng số tiền được vay	Triệu đồng					
	Tổng số dư nợ	Triệu đồng					

5	Cho vay làm nhà ở đối với hộ nghèo						
	Số hộ được vay vốn	Hộ					
	Tổng số tiền được vay	Triệu đồng					
	Tổng số dư nợ	Triệu đồng					
6	Cho vay đối với hộ dân tộc thiểu số						
	Số hộ được vay vốn	Hộ					
	Tổng số tiền được vay	Triệu đồng					
	Tổng số dư nợ	Triệu đồng					
7	Cho vay nước sạch vệ sinh môi trường						
	Số hộ nghèo được vay vốn	Hộ					
	Tổng số tiền được vay	Triệu đồng					
	Tổng số dư nợ	Triệu đồng					

Tỉnh.....
Huyện.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Kết quả thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2018
(Ban hành kèm theo Kế hoạch số: 1677/KH-UBND ngày 09 / 7/2018 của UBND tỉnh Tây Ninh)

TT	Tên dự án	Đơn vị tính	Kết quả thực hiện				Đơn vị báo cáo
			Năm 2016	Năm 2017	Ước thực hiện 2018	Giai đoạn (2016-2018)	
<i>1</i>	<i>2</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>	<i>5</i>	<i>6</i>	
A	Chương trình 135						
I	Tiểu dự án 1: Hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng cho các xã biên giới						UBND (Phòng Dân tộc)
<i>1</i>	Tổng ngân sách, trong đó:	Triệu đồng					
	- Đầu tư phát triển	Triệu đồng					
	- Sự nghiệp	Triệu đồng					
1.1	Ngân sách trung ương, trong đó:	Triệu đồng					
	- Đầu tư phát triển	Triệu đồng					
	- Sự nghiệp	Triệu đồng					
1.2	Ngân sách địa phương	Triệu đồng					

	- Đầu tư phát triển	Triệu đồng					
	- Sự nghiệp	Triệu đồng					
1.3	Huy động nguồn khác	Triệu đồng					
2	Kết quả thực hiện						
2.1	Số công trình đầu tư được khởi công mới (theo từng loại công trình)	Công trình					
2.2	Số công trình được đầu tư chuyển tiếp (theo từng loại công trình)	Công trình					
2.3	Số công trình được duy tu bảo dưỡng (theo từng loại công trình)	Công trình					
3	Tổng số xã	Xã					
4	Tổng số thôn bản	Thôn bản					
II	Tiểu dự án 2: Hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế và nhân rộng mô hình giảm nghèo các xã biên giới.						Sở NN và PTNT; Sở LĐTĐBXH
1	Tổng ngân sách	Triệu đồng					
1.1	Ngân sách trung ương	Triệu đồng					
1.2	Ngân sách địa phương	Triệu đồng					
1.3	Huy động nguồn khác	Triệu đồng					
2	Kết quả thực hiện						
	- Số dự án PTSX						
	+ Số người được hỗ trợ	Người					
	+ Số dự án được triển khai (theo từng loại dự	Dự án					

	án)						
	- Số mô hình NRMHGN						
	+ Số người được hỗ trợ	Người					
	+ Số mô hình được triển khai (theo từng loại mô hình)	Mô hình					
III	Tiểu dự án 3: Nâng cao năng lực cán bộ cơ sở và cộng đồng trên địa bàn các xã biên giới						VP UBND (Phòng Dân tộc)
1	Tổng ngân sách	Triệu đồng					
1.1	Ngân sách trung ương	Triệu đồng					
1.2	Ngân sách địa phương	Triệu đồng					
1.3	Huy động nguồn khác	Triệu đồng					
2	Kết quả thực hiện						
	- Hoạt động đào tạo, tập huấn cán bộ (theo các loại hoạt động)						
	+ Số lớp đào tạo, tập huấn	Lớp					
	+ Số cán bộ được đào tạo, tập huấn	Cán bộ					
	- Hoạt động đào tạo, tập huấn cộng đồng (theo các loại hoạt động)						
	+ Số lớp đào tạo, tập huấn	Lớp					
	+ Số người dân được đào tạo, tập huấn (cộng đồng)	Lượt người					
B	Dự án hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế và nhân rộng mô hình giảm						Sở NN và PTNT; Sở LĐTĐBXH

	nghèo bền vững (trên địa bàn xã ngoài Chương trình 135)						
1	Tổng ngân sách	Triệu đồng					
1.1	Ngân sách trung ương	Triệu đồng					
1.2	Ngân sách địa phương	Triệu đồng					
1.3	Huy động nguồn khác	Triệu đồng					
2	Kết quả thực hiện						
	- Số dự án PTSX						
	+ Số người được hỗ trợ	Người					
	+ Số dự án được triển khai (theo từng loại dự án)	Dự án					
	- Số mô hình NRMHGN						
	+ Số người được hỗ trợ	Người					
	+ Số mô hình được triển khai (theo từng loại mô hình)	Mô hình					
C	Dự án truyền thông và giảm nghèo về thông tin						Sở Thông tin và Truyền thông; Sở Lao động – Thương binh và Xã hội
1	Tổng ngân sách, trong đó:	Triệu đồng					
	- Đầu tư phát triển	Triệu đồng					
	- Sự nghiệp	Triệu đồng					
1.1	Ngân sách trung ương, trong đó:	Triệu đồng					

	- Đầu tư phát triển	Triệu đồng					
	- Sự nghiệp	Triệu đồng					
1.2	Ngân sách địa phương	Triệu đồng					
	- Đầu tư phát triển	Triệu đồng					
	- Sự nghiệp	Triệu đồng					
1.3	Huy động nguồn khác	Triệu đồng					
2	Kết quả thực hiện						
2.1.	Hoạt động truyền thông về giảm nghèo						
	- Số lượng chương trình phát thanh sản xuất, trong đó:						
	- Số lượng chương trình truyền hình sản xuất, trong đó:						
	- Số lượng ấn phẩm truyền thông do Bộ, ngành, địa phương xuất bản, bao gồm:						
	+ Số lượng chuyện san được xuất bản	Ấn phẩm					
	+ Số lượng video clip được sản xuất	Clip					
	+ Số lượng tờ rơi được xuất bản	Ấn phẩm					
	- Số lượng tọa đàm, đối thoại được tổ chức thực hiện						
	- Số lượng sách chuyên đề về giảm nghèo do Bộ, ngành/địa phương xuất bản, bao gồm:						
	+ Số đầu sách	□ . .					
	+ Số lượng sách	Cuốn					

	- Số lượng các cuộc đối thoại chính sách giảm nghèo						
	+ Số cuộc đối thoại (theo các cấp)	Đối thoại					
	+ Số người tham gia đối thoại	Người					
2.2.	<i>Hoạt động giảm nghèo về thông tin</i>						
	- Số cán bộ cấp xã làm công tác thông tin và truyền thông được đào tạo nâng cao kỹ năng, nghiệp vụ thông tin tuyên truyền cổ động	Cán bộ					
	- Số hộ dân thuộc địa bàn huyện nghèo, xã nghèo được tiếp cận, cung cấp thông tin	Hộ					
	- Số lượng chương trình phát thanh sản xuất, trong đó:						
	+ Số lượng do Bộ, ngành sản xuất	Chương trình					
	+ Số lượng do địa phương sản xuất	Chương trình					
	- Số lượng chương trình truyền hình sản xuất, trong đó:						
	+ Số lượng do Bộ, ngành sản xuất	Chương trình					
	+ Số lượng do địa phương sản xuất	Chương trình					
	- Số lượng sách chuyên đề do Bộ, ngành/địa phương xuất bản, bao gồm:						
	+ Số đầu sách	Ấn phẩm					
	+ Số lượng sách	Cuốn					
	- Số lượng ấn phẩm truyền thông do Bộ, ngành, địa phương xuất bản, bao gồm:						

	+ Số lượng chuyện san được xuất bản	Ấn phẩm					
	+ Số lượng video clip được sản xuất	Clip					
	+ Số lượng tờ rơi được xuất bản	ấn phẩm					
	- Số lượng phương tiện nghe - xem được hỗ trợ	Phương tiện					
	- Số lượng huyện được trang bị phương tiện tác nghiệp tuyên truyền cổ động	Huyện					
	- Số lượng xã được trang bị phương tiện tác nghiệp tuyên truyền cổ động	Xã					
	- Số lượng xã nghèo có điểm thông tin, tuyên truyền cổ động	Xã					
	- Số lượng điểm thông tin, tuyên truyền cổ động ngoài trời có ở xã	Điểm					
	- Số Cụm thông tin cơ sở tại các khu vực cửa khẩu, biên giới, trung tâm giao thương được đầu tư	Cụm					
D	Dự án hỗ trợ nâng cao năng lực giảm nghèo và giám sát, đánh giá chương trình						Sở Lao động – Thương binh và Xã hội; UBND các huyện, thành phố
1	Tổng ngân sách	Triệu đồng					
1.1	Ngân sách trung ương	Triệu đồng					
1.2	Ngân sách địa phương	Triệu đồng					
1.3	Huy động nguồn khác	Triệu đồng					

2	<i>Kết quả thực hiện</i>						
	- Hoạt động đào tạo, tập huấn cán bộ (theo các loại hoạt động)						
	+ Số lớp đào tạo, tập huấn	Lớp					
	+ Số cán bộ được đào tạo, tập huấn	Cán bộ					
	- Hoạt động đào tạo, tập huấn cộng đồng (theo các loại hoạt động)						
	+ Số lớp đào tạo, tập huấn	Lớp					
	+ Số người dân được đào tạo, tập huấn (cộng đồng)	Lượt người					
	- Hoạt động kiểm tra và giám sát, đánh giá						
	+ Số đoàn kiểm tra (theo các cấp kiểm tra)	Đoàn					